

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - C phúc

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX-ST ngày 25 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở: X, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Tòng Văn D, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 11 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T bày như sau:

Chị và anh Tòng Văn D kết hôn với nhau do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 20/12/1999. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống N thuận C phúc đến năm 2007 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D nghiện chất ma

túy, anh phải đi cai nghiện tập trung tại Trung tâm thời gian 1 năm. Sau khi trở về anh D không thay đổi, anh thường xuyên rượu chè, bài bạc, khi say về đánh đập vợ, tài sản trong gia đình có gì đáng giá anh mang bán hết. Anh không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho con cái. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Chị đã nhiều lần nhẫn nhịn để gia đình êm ấm nhưng anh D vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 5 năm 2017 chị xuống Hà Nội làm công nhân cho công ty Việt Long, thời gian sống xa nhau anh D nghi ngờ chị về tình cảm, không tin tưởng chị làm mưu thuận vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay chị T nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tòng Văn D.

Về con chung: Anh chị có bốn con chung là cháu Tòng Thị C, sinh ngày 07/03/2001 (đã trưởng thành); cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 và cháu Tòng Thị Huyền L, sinh ngày 14/8/2019. Cháu C hiện đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Đối với cháu N, cháu M1 từ khi ly thân chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con, anh D không trợ cấp hay thăm hỏi gì các con. Đối với cháu L, thời gian ly thân chị T mới sinh cháu, anh D không nhận cháu L là con chung của anh và chị T, anh D cũng không hề có trách nhiệm gì với các con. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải trợ cấp nuôi con chung cùng chị. Vì có yêu cầu anh D cũng không có khả năng cấp dưỡng, hiện anh D thường xuyên rượu chè, không có công việc và thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho các con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị có 01 căn nhà gỗ đã cũ hỏng tại Z. Chị không yêu cầu phân chia tài sản trên mà để cho anh D sở hữu, sử dụng. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung, chị có một số khoản nợ riêng chị sẽ tự có trách nhiệm trả nợ. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy làm việc với anh Tòng Văn D, anh D trình bày:

Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau từ năm 1999 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 20/12/1999. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống N thuận, C phúc. Đến năm 2016 anh có đi cai nghiện tập trung còn chị T thì đi làm thuê dưới Hà Nội. Thời gian sống xa nhau, chị T không quan tâm chăm sóc cho anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích với nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn tại Tòa án, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Theo anh D, anh chị chỉ có ba con chung là cháu Tòng Thị C, sinh ngày 07/03/2001 (đã trưởng thành); cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 còn cháu Tòng Thị Huyền L là con riêng của chị T. Anh tôn trọng nguyện vọng của các con, các con muốn ở với ai thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu chị T có nguyện vọng nuôi cả ba con trưởng thành thì anh cũng đồng ý. Nếu cháu M1 đồng ý ở với anh thì anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu M1 trưởng thành và không yêu cầu chị T trợ cấp nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh D xác định hai vợ chồng chủ yếu sống xa nhau nên không có tài sản chung gì có giá trị, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định: Anh D, chị T kết hôn từ năm 1999 và cư trú tại Z, huyện Mai Sơn. Anh chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ban quản lý có nhận được đơn xin ly hôn của chị T, theo chị T trình bày lý do mâu thuẫn là vì anh D nghiện chất ma túy phải đi cai nghiện tập trung nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, về phía anh D và gia đình anh D cho biết thời gian chị T đi làm thuê ở Hà Nội có hành vi không chung T với chồng con, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Ban quản lý bản chưa thể mở phiên N giải cho hai bên do anh D đi làm thuê không có mặt ở địa phương. Về con chung, anh chị có bốn người con chung là cháu Tòng Thị C, sinh ngày 07/03/2001 (đã trưởng thành); cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 và cháu Tòng Thị Huyền L, sinh ngày 14/8/2019. Cháu C đã đi lấy chồng, cháu N, cháu M khi ly thân chị T đưa các cháu theo để nuôi dưỡng, chăm sóc. Còn cháu L, sau khi chị T rời địa phương về nhà bố mẹ đẻ tại bản Ý Lương, xã Chiềng Lương mới sinh cháu. Anh D cùng gia đình không đồng ý nhận cháu L là con cháu trong gia đình. Về tài sản chung vợ chồng, anh chị chỉ có 01 ngôi nhà gỗ đã xuống cấp trên đất bố mẹ anh D cho tại Z. Về nợ chung ban quản lý bản không nắm được.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị T đối với anh Tòng Văn D.

Về con chung: Giao cháu cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 và cháu Tòng Thị Huyền L, sinh ngày 14/8/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/11/2019, chị Hà Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Tòng Văn D, nơi cư trú: Z, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 08/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Tòng Văn D trong việc tham gia các buổi làm việc, N giải tại tòa án. Tuy nhiên anh D đều vắng mặt mà không có lý do. Tòa án không tiến hành N giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh D được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ hai lần nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hà Thị T và anh Tòng Văn D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1999. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 20/12/1999. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống N thuận, C phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh D nghiện chất ma túy phải đi cai nghiện tập trung, hết thời gian cai nghiện trở về anh D thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Chị T đi làm thuê hai vợ chồng sống xa cách nên tình cảm dần rạn nứt, anh D nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Cuộc sống hôn nhân không C phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 đến nay xác định tình cảm không còn. Chị T cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, anh D đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có bốn con chung là các cháu Tòng Thị C, sinh ngày 07/03/2001 (đã trưởng thành); cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 và cháu Tòng Thị Huyền L, sinh ngày 14/8/2019. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Cháu C đã trưởng thành, cháu N, cháu M thực tế thời gian anh D đi cai nghiện tập trung đến khi ly thân chị T là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu. Các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với chị T. Đối với cháu L, từ khi sinh cháu anh D không quan tâm gì đến con. Thời gian các cháu ở cùng chị T được chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, được đi học và sinh hoạt đầy đủ. Nay ly hôn, chị T nhận trách nhiệm chăm sóc giáo dục cháu N, cháu M1 và cháu L đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Để đảm bảo quyền lợi của các cháu, xét thấy cần giao cháu N, cháu M(M1), cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Tòng Văn D.

2. Về con chung: Chị T, anh D có bốn con chung là các cháu Tòng Thị C, sinh ngày 07/03/2001 (đã trưởng thành); cháu Tòng Thị N, sinh ngày 05/01/2004; cháu Tòng Thị M(Tòng Thị Quỳnh M1), sinh ngày 09/01/2007 và cháu Tòng Thị Huyền L, sinh ngày 14/8/2019. Giao cháu N, cháu M(M1), cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N, cháu M(M1), cháu L thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi cháu N, cháu M(M1), cháu L cùng chị T do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết ở một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004119 ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Lương, Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh